

Số: 537/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ
đại học chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ"

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-MĐC ngày 29/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy 4 năm;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 128/TB-MĐC ngày 17/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO;

Căn cứ vào Biên bản số 26/BBHĐKHĐT-MĐC họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *leat*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chi đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₈₎



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ
THÔNG TIN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
(Kèm theo Quyết định số **535/QĐ-MĐC** ngày 26 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất)

TT	Mã số	Tên ngành	Chuyên ngành
1	7340101	Quản trị kinh doanh	1.1. Quản trị kinh doanh
			1.2. Quản trị kinh doanh Dầu khí
			1.3. Quản trị kinh doanh Mỏ
			1.4. Quản trị thương mại điện tử
2	7340301	Kế toán	2.1. Kế toán doanh nghiệp
			2.2. Kế toán tài chính công
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	3.1. Tài chính doanh nghiệp
4	7480201	Công nghệ thông tin	4.1. Tin học Kinh tế
			4.2. Công nghệ phần mềm
			4.3. Mạng máy tính
			4.4. Khoa học máy tính ứng dụng
			4.5. Công nghệ thông tin địa học
			4.6. Hệ thống thông tin
5	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	5.1. Lọc - Hóa dầu
6	7520103	Kỹ thuật cơ khí	6.1. Máy và Thiết bị mỏ
			6.2. Máy và Tự động thủy khí
			6.3. Công nghệ chế tạo máy
			6.4. Cơ khí ô tô
7	7520201	Kỹ thuật điện	7.1. Điện công nghiệp
			7.2. Hệ thống điện
			7.3. Điện - Điện tử
			7.4. Điện khí hóa mỏ
8	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động	8.1. Tự động hóa
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	9.1. Địa sinh thái và Công nghệ môi trường
			9.2. Kỹ thuật môi trường
10	7520501	Kỹ thuật địa chất	10.1. Kỹ thuật địa chất
			10.2. Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
			10.3. Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
			10.4. Nguyên liệu khoáng
			10.5. Địa chất thăm dò
11	7520502	Kỹ thuật địa vật lý	11.1. Địa vật lý
12	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	12.1. Trắc địa
			12.2. Trắc địa mỏ - công trình
			12.3. Địa chính
			12.4. Bản đồ
			12.5. Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
			12.6. Trắc địa - bản đồ
13	7520601	Kỹ thuật mỏ	13.1. Khai thác mỏ
14	7520604	Kỹ thuật dầu khí	14.1. Khoan khai thác
			14.2. Khoan thăm dò - khảo sát
			14.3. Thiết bị dầu khí

			14.4. Địa chất dầu khí
15	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	15.1. Tuyển khoáng và Tuyển - luyện quặng kim loại
16	7580201	Kỹ thuật xây dựng	16.1. Xây dựng công trình ngầm và mỏ
			16.2. Xây dựng công trình ngầm
			16.3. Xây dựng dân dụng và công nghiệp
			16.4. Xây dựng hạ tầng cơ sở
17	7850103	Quản lí đất đai	17.1. Quản lí đất đai
18	7440201	Địa chất học	18.1. Địa chất học
			18.2. Địa chất đô thị
19	7520301	Kỹ thuật Hóa học	19.1. Lọc - Hóa dầu
20	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng	20.1. Địa kỹ thuật xây dựng
21	7480206	Địa tin học	21.1. Địa tin học

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 1420/QĐ-MĐCHà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025**QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ
đại học chính quy của các ngành đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-MĐC ngày 24/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-MĐC ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập tổ công tác rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;



Căn cứ Công văn số 322/MĐC-ĐTĐH ngày 01/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 530/MĐC-ĐTĐH ngày 23/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 644/MĐC-ĐTĐH ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 12/12/2024 của Trường Đại học Mở-Địa chất;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy của các ngành đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất

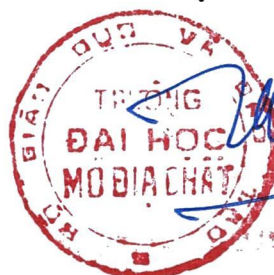
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đảm Bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các khoa, các bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(g)

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 1420/QĐ - MĐC ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc
3	7340101	Quản trị kinh doanh
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng
5	7340301	Kế toán
6	7440201	Địa chất học
7	7440229	Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học
8	7460108	Khoa học dữ liệu
9	7480201	Công nghệ thông tin
10	7480206	Địa tin học
11	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
12	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
13	7510601	Quản lý công nghiệp
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí
15	7520107 (7520218)	Kỹ thuật Robot (Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo)
16	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
17	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
18	7520121	Kỹ thuật không gian
19	7520130	Kỹ thuật ô tô
20	7520201	Kỹ thuật điện
21	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
22	7520301	Kỹ thuật hoá học
23	7520309	Kỹ thuật vật liệu
24	7520320	Kỹ thuật môi trường
25	7520501	Kỹ thuật địa chất
26	7520502	Kỹ thuật địa vật lý
27	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
28	7520505	Đá quý Đá mỹ nghệ
29	7520601	Kỹ thuật mỏ



TT	Mã ngành	Tên ngành
30	7520604	Kỹ thuật dầu khí
31	7520605	Kỹ thuật khí thiên nhiên
32	7520606	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên
33	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng
34	7580106	Quản lý đô thị và công trình
35	7580109	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản
36	7580201	Kỹ thuật xây dựng
37	7580204	Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm
38	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
39	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
40	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
41	7580302	Quản lý xây dựng
42	7720203	Hoá dược
43	7810105	Du lịch địa chất
44	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
45	7850103	Quản lý đất đai
46	7850196	Quản lý tài nguyên khoáng sản
47	7850202	An toàn, Vệ sinh lao động

Tổng số 47./.

